

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/DS-PT

Ngày: 10/6/2020

V/v: Yêu cầu chấm dứt

hành vi cản trở trái pháp luật

việc thực hiện quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Bà Trần Thị Liên Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Phạm Thị Ngát - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLPT-DS ngày 25/3/2020 về việc: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đ.T.V, sinh năm 1932. Địa chỉ: thôn 1, xã P.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông C.V.Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn 1, xã P.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư T.Q.B- Công ty Luật TNHH T. M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông C.V.H, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 1, xã P.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông C.V.B, sinh năm 1969; Có mặt.

3.2. Bà Đ.T.V, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã P.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội.

3.3. Bà C.T.Y, sinh năm 1959; Vắng mặt.

3.4. Bà C.T.N, sinh năm 1962; Vắng mặt.

3.5. Bà C.T.Đ, sinh năm 1966; Vắng mặt.

3.6. Bà C.T.P, sinh năm 1972; Vắng mặt.

3.7. Ông C.V.Đ, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã P.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đ.T.V trình bày: Bà và anh C.V.H có quan hệ họ hàng, anh H gọi bà là bác dậu.

Ngày 21/02/1982, chồng bà là ông C.V.M có làm đơn gửi UBND xã P.X, T.T để xin đất ở cho gia đình vì ông bà đông con. UBND xã P.X đã xem xét và chấp nhận đơn đề nghị của ông M cấp cho thửa đất có diện tích 206m² đất ở nay là thửa số 449, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: thôn 1, xã P.X, T.T. Sau khi được cấp đất, ông M bị ốm chết nên mẹ con bà đã quản lý thửa đất này. Từ năm 1982-2000, gia đình bà trồng rau, xoan, tre tại thửa đất. Từ năm 2003-2005 gia đình bà cho thuê và họ đã làm xưởng trên đất. Cuối năm 2005 bà không cho thuê đất nữa và mua lại toàn bộ lán xưởng rồi giao cho vợ chồng con trai là C.V.B quản lý sử dụng làm nơi sản xuất.

Bà xác định thửa đất này thuộc quyền hợp pháp của bà, nhưng khi gia đình bà sử dụng thửa đất thì anh C.V.H lại gây khó khăn.

Nay bà có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xác định quyền sử dụng đất thửa 449, tờ bản đồ số 05, diện tích 206m² đất ở tại thôn 1 P.X, T.T là tài sản hợp pháp của bà; và buộc anh C.V.H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc ngăn cản gia đình bà sử dụng đất trên.

Bị đơn anh C.V.H trình bày: Anh nhất trí như lời khai của bà V về quan hệ trong gia đình, anh gọi bà V là bác dậu.

Nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp (thửa 449, tờ bản đồ số 5, diện tích 206m² đất ở thôn 1 P.X) là ao của ông bà nội anh tên là cụ C.V.T và cụ N.T.C. Cụ T và Cụ C quản lý thửa đất này từ những năm 1950. Năm 1961 Cụ T chết còn Cụ C quản lý.

Năm 1980 theo chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi ao của 2 cụ để làm đường và ao cá Bác Hồ. Đến ngày 21/02/1982 gia đình ông bà nội anh có đơn xin lại ao và được UBND xã trả lời sẽ cấp trả cho gia đình thửa đất khác ở thôn 1, C.K, diện tích 206m². Thửa đất này vợ chồng ông M bà V quản lý. Năm 1982 ông M chết do bà V quản lý đến nay.

Năm 2003 bà V có mời bố anh đến nhà bà họp bàn chia đất của các cụ. Bà V nói chia cho bố anh 3m² mặt đường thửa 459, tờ bản đồ 05 diện tích 183m² tại thôn 1, P.X nhưng bố anh không nhất trí. Bố anh đề nghị bà V chia 100m² đất của thửa đất 206m² C.K nhưng bà V không nhất trí.

Chỉ vì các bên trong gia đình hợp phân chia không thành. Nên năm 2004 bố ông đã khởi kiện bà V về việc chia thừa kế di sản của ông bà nội anh để lại. Vụ án này được TAND huyện T.T thụ lý giải quyết. Tại Tòa án, các bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2009, TAND huyện T.T đã mở phiên tòa phân chia di sản thừa kế của ông bà nội anh là Cụ T và Cụ C cho 04 người con của 02 cụ trong đó có bố anh cũng được hưởng kỹ phần thừa kế. Bà V không nhất trí và đã kháng cáo bản án của TAND huyện T.T. Tại TAND thành phố Hà Nội, quá trình giải quyết theo trình tự phúc thẩm, do Tòa án sơ thẩm thu thập hồ sơ còn thiếu về thủ tục nên TAND thành phố Hà Nội đã xử hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện T.T để giải quyết lại theo quy định pháp luật. Đến nay vụ án chưa giải quyết xong.

Anh xác định thửa đất số 449, tờ bản đồ số 05, diện tích 206m² đất tại thôn 1, xã P.X, huyện T.T mà mẹ con bà V đang quản lý sử dụng là di sản thừa kế của ông bà nội anh để lại chưa được chia thừa kế và đang có tranh chấp. Nên khi anh phát hiện bà V có đơn yêu cầu được cấp GCNQSD đất, anh đã làm đơn phản đối và đề nghị các cấp Ủy ban không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C.V.B và chị Đ.T.V khai:
Anh B là con trai bà V; chị V là vợ của anh B.
Anh và chị đều nhất trí như lời khai và yêu cầu của bà Đ.T.V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh C.V.Đ, chị C.T.P, chị C.T.Đ, chị C.T.N, chị C.T.Y cùng khai: Bố mẹ các anh chị là ông C.V.M và bà Đ.T.V. Các anh chị nhất trí như lời trình bày và yêu cầu của bà Đ.T.V (mẹ các anh chị).

Bản án sơ thẩm số 41/2019/DSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.V khởi kiện ông C.V.H về việc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu.

Xác định toàn bộ 01 lán lợp tôn trên diện tích 206m² tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 05, diện tích 206m² C.K cũ nay là thôn 1 xã P.X, T.T, thành phố Hà Nội chủ sở hữu của bà Đ.T.V.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các bên sự.

Ngày 09/12/2019, ông C.V.H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết theo yêu cầu chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án; phân tích các tài liệu chứng cứ vụ án. Đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX hủy án dân sự sơ thẩm do thiếu người tham gia tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh C.V.H nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định pháp luật nên xác định hợp lệ và được chấp nhận xem xét.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2017, bà Đ.T.V khởi kiện v/v yêu cầu anh C.V.H phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu đối với việc gia đình bà sử dụng thửa đất số 449, tờ bản đồ số 05, diện tích 206m² thôn 1, xã P.X, T.T. Tòa sơ thẩm đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của ông C.V.H cho thấy:

[1]. Các tài liệu có liên quan đến thửa đất số 449, tờ bản đồ 05 diện tích 206m² thôn 1, xã P.X, T.T hiện đang do gia đình bà Đ.T.V quản lý sử dụng:

Thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất; trên trích lục bản đồ mang tên chủ sử dụng Đ.T.V.

Tài liệu bà Vnộp để chứng minh thửa đất trên để chứng minh quyền tài sản hợp pháp của gia đình bà đối thửa đất số 449, tờ bản đồ 05 diện tích 206 m² thôn 1, xã P.X, T.T là: Đơn đề nghị gửi UBND xã P.X đề ngày 21/2/1982 của ông C.V.M(BL 21). Đơn có nội dung về việc ông C.V.Mtrình bày gia đình ông có cái ao và một lều tre. Theo chủ trương của địa phương xây ao cá Béc Hồ và đắp đường thẳng qua ao nhà ông. Và gia đình ông đã giao lại cho hợp tác xã. Ông làm đơn xin xã cho gia đình ông một miếng đất để làm nơi ở cho các con ông. Đơn của ông M có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P.X, nhưng nội dung xác nhận không rõ số thửa và diện tích đất.

[2]. Liên quan đến việc giải quyết đối với thửa đất các bên đang có tranh chấp:

+ Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2009/DS-ST ngày 15/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện T.T đã xét xử v/v “ Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa: Nguyên đơn ông C.V.A và bị đơn bà Đ.T.V đã quyết định: Xác định di sản thừa kế của Cụ C gồm: Thửa đất số 459, diện tích 183m²...Thửa đất số 435, diện tích 117m²...Thửa

đất số 449, diện tích 206m²...và mở thừa kế chia di sản của Cụ C cho hàng thừa kế thứ nhất là bà C.T.T, ông C.V.M, ông C.T.D, ông C.V.Â.

+ Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 282/2009/DS-PT ngày 29/10/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm trên. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã nhận định: do hồ sơ dân sự sơ thẩm còn thiếu thủ tục hòa giải tại địa phương nên đã quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.T. Đình chỉ việc giải quyết vụ án để yêu cầu các bên hoàn thiện thủ tục hòa giải tại địa phương theo quy định tại Điều 135 Luật Đất đai năm 2003.

[3]. Cho thấy: Thừa đất số 449, tờ bản đồ 05 diện tích 206 m² thôn 1, xã P.X, T.T, Hà Nội mà bà Đ.T.V cho rằng đó là tài sản hợp pháp của bà và gia đình bà, nhưng bà V và gia đình bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh tài sản là quyền sử dụng thừa đất hợp pháp của gia đình bà theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Trong khi đó thừa đất này đang là một trong các di sản có tranh chấp trong vụ án chia thừa kế di sản của cụ N.T.C và chưa được Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết và tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, bà Đ.T.V và gia đình bà khai thừa đất số 449, tờ bản đồ 05 diện tích 206 m² thôn 1, xã P.X, T.T, Hà Nội là tài sản của gia đình bà là chưa có căn cứ. Chưa có căn cứ chứng minh tài sản hợp pháp mà bà V và gia đình bà có đơn yêu cầu cấp Ủy ban có thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với thừa đất này, và anh H đã có đơn đề nghị các cấp Ủy ban chưa xét cấp GCNQSD đất cho gia đình bà V là đúng.

[4]. Tòa án nhân dân huyện T.T đã xét xử và chấp nhận đơn khởi kiện của bà V là chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ yêu cầu của các bên; chưa đánh giá các chứng cứ và tài liệu liên quan đến thừa đất có tranh chấp theo quy định pháp luật. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm quyết định sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đ.T.V.

Bà Đ.T.V là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Như phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của anh C.V.H. Anh H không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”,

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đ.T.V về việc buộc anh C.V.H phải chấm dứt “ Hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu tài sản”.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả bà Đ.T.V số tiền 20.000.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2015/0000855 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, Hà Nội.

Án phí DSPT: Hoàn trả anh C.V.H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2014/06977 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân H. T.T.
- Chi cục THADS H. T.T.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện